

Bản án số: 395/2024/HC-PT

Ngày: 30/9/2024

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Hợp

Các Thẩm phán: Ông Đặng Kim Nhân

Ông Lê Văn Thường

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 206/2024/TLPT-HC ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2024/HC-ST ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1912/2024/QĐ-PT ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông **Đặng Văn A**, sinh năm: 1958 và bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1955.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đặng Văn A: Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm: 1955 (theo Văn bản ủy quyền lập ngày 07/12/2023). Có mặt tại điểm cầu trung tâm.

Cùng địa chỉ: **Thôn N, xã N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa.**

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân (UBND) **huyện L, tỉnh Quảng Ngãi;**

2.2. Chủ tịch **UBND huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.**

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.
Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Mai Văn T - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đặng A1 (Đặng Văn A2), sinh năm: 1954. Địa chỉ: Khu dân cư S, thôn T, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

3.2. Ông Nguyễn Hùng H.

3.3. Bà Võ Thị H1.

Cùng địa chỉ: Khu dân cư S, thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

3.4. Ông Phù Văn H2. Địa chỉ: Thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông A, ông H, bà H1, ông H2 đều vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Đặng Văn A, bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 23/10/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/12/2023, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện trình bày:*

Về diện tích đất khoảng 1.200m² trồng hành, tỏi tại núi H là ông, bà nội của bà Nguyễn Thị D khai phá từ lâu đời để lại cho cha mẹ bà là ông Nguyễn M (chết năm 1985) và bà Lê Thị T1 (chết năm 2003) sản xuất, canh tác từ năm 1968 đến sau ngày giải phóng. Năm 1977, bà lập gia đình cha mẹ bà giao lại toàn bộ diện tích đất trên cho bà sản xuất. Đến năm 1993 thì bà cho ông Bùi Thanh H3 canh tác khoảng 100m², ông H3 sản xuất đến năm 1995 thì trả lại. Vợ chồng ông bà tiếp tục sản xuất đến cuối năm 2004. Đến giữa năm 2005, ông bà cho bà Dương Thị A3 là con dâu của ông Nguyễn X thuê toàn bộ diện tích đất khoảng 1.200m² để trồng hành, tỏi. Tuy nhiên, bà A3 chưa kịp làm hết diện tích đất thuê thì năm 2006 ông Đặng A2 đã tự ý sử dụng 01 triền (gọi là lô) đất diện tích 172,6m² (trong số đất mà ông H3 trả lại và bà D cho bà Dương Thị A3 thuê chưa trồng trồng) để trồng hành, tỏi mà không hỏi ý kiến ông bà. Bà Dương Thị A3 nói với ông Đặng A2: “Tôi thuê đất của cô D và dựng A sao ông dành làm”, Ông Đặng A2 trả lời: “Đất Hai A tao làm, nó về tao trả”. Khi vợ chồng bà về gặp ông Đặng A2 để lấy lại thửa đất mà ông đã sử dụng, thì ông Đặng A2 cũng nói: “Bây về tao trả”, nhưng cho đến nay ông Đặng A v chưa trả lại thửa đất cho vợ chồng bà. Đến tháng 5/2008, bà Dương Thị A3 không làm nữa và giao lại toàn bộ diện tích đất này cho vợ chồng ông bà. Năm 2008, vợ chồng ông Nguyễn Hùng H và bà Võ Thị H1 (gọi bà là cô ruột) thuê diện tích đất do bà A3 trả lại để canh tác. Vợ chồng ông H và bà H1 viết giấy xác nhận thuê đất từ năm 2008 đến năm 2018 và gia hạn từ năm 2019 đến năm 2021. Trong 10 năm đầu từ năm 2008 đến

năm 2018 thì mỗi năm tiền thuê là 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) những năm sau mỗi năm tiền thuê là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Diện tích đất khoảng 1.200m² là đất trồng hành, tỏi, gồm 08 thửa (bậc triền kê nhau). Năm 2017, UBND huyện L chỉ mới cấp được 01 thửa với diện tích 139,9m² (thửa 819, tờ bản đồ số 9, tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BO 507350). Hiện nay còn lại 07 thửa như sau: 01 (lô) thửa đất số 831, ký hiệu BHK, diện tích là 172,6m² ông Đặng A c của bà (từ năm 2006); 01 lô diện tích khoảng 888,0m² trên bản đồ hiện trạng chưa đo đạc giải thửa (gồm 06 thửa đất có ranh giới bờ thửa riêng và liền kề), ranh giới như sau: Đông giáp Đất ông N đang sản xuất (trong thửa 710 tờ bản đồ số 9, diện tích 30.303,0m²). Tây giáp Đất đo gộp trong thửa 710 tờ bản đồ số 9, diện tích là 30.303,0m². Nam giáp Thửa 819, ký hiệu BHK diện tích 139,9m² đã cấp sổ cho bà, hiện tại ông H đang sản xuất; thửa 831 có diện tích 172,6m² ký hiệu BHK (ông A chiếm của bà) và thửa đất 832 do ông Đặng N1 đang sản xuất. Bắc giáp Đất của bà khai hoang, Nguyễn Hùng H thuê sản xuất hành tỏi khoảng 1200m² giáp ông Đặng N1 (đo gộp trong thửa 710 tờ bản đồ số 9, diện tích là 30.303,0m²).

Đối với diện tích đất khoảng 1.300m² đất trồng khoai tía tại núi H: Một thửa do ông Nguyễn C và một thửa do ông Nguyễn C1 (hai người là bác ruột của bà) để lại cho bà. Hai thửa là của cha, mẹ (ông Nguyễn M + bà T1) để lại cho bà. Một thửa của ông sư N2 để lại cho bà sản xuất từ năm 1977 đến cuối năm 2004 và năm 2005 bà cũng cho bà Dương Thị A3 thuê nhưng bà A3 không có khả năng sản xuất. Tiếp theo đến năm 2008, vợ chồng ông Nguyễn Hùng H và bà Võ Thị H1 thuê sản xuất nhưng ông H và bà H1 cũng không có khả năng sản xuất. Đến năm 2014 ông bà xin cấp sổ đỏ nhưng UBND xã nói là đất rừng và đất quốc phòng nên không được cấp sổ. Năm 2015, ông Phù Văn H2 nghe ông Trần Văn T2 (là cán bộ địa chính xã) nói đất này là đất rừng và đất quốc phòng không được cấp sổ đỏ nên ông H2 lên sản xuất, chăn nuôi trên đất. Ông bà đã yêu cầu ông H2 tháo dỡ và ngừng sản xuất, trả lại đất cho ông bà nhưng ông H2 không đồng ý.

Ngày 13/9/2018, ông bà làm đơn khiếu nại yêu cầu Chủ tịch UBND huyện L giải quyết việc tranh chấp đất nông nghiệp tại núi H giữa hộ gia đình bà với ông Đặng A2, ông Nguyễn Hùng H, ông Phù Văn H2 và yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình ông bà. Ngày 18/10/2018, UBND huyện L ban hành Công văn số 2294/UBND trả lời đơn có nội dung như sau: “Bà Nguyễn Thị D yêu cầu trả lại toàn bộ diện tích mà ông Đặng A2, ông Nguyễn Hùng H và ông Phù Văn H2 đang canh tác và yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà là không có cơ sở. Vì hiện tại bà không có các loại giấy tờ liên quan nào để chứng minh toàn bộ diện tích mà ông Đặng A2, ông Nguyễn Hùng H và ông Phù Văn H2 canh tác là đất của bà”.

Ngày 08/4/2019, ông bà tiếp tục làm đơn khiếu nại, yêu cầu các ông Đặng A2, ông Nguyễn Hùng H, ông Phù Văn H2 trả lại đất cho bà và yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp tại khu vực núi H cho hộ gia đình bà D. Ngày 15/8/2019, UBND huyện

L ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) quyết định bác đơn khiếu nại, không công nhận yêu cầu của ông bà.

Ông bà làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi để yêu cầu giải quyết. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2022/HC-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông bà, hủy Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của Chủ tịch UBND huyện L.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông bà đã làm đơn yêu cầu UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất toàn bộ diện tích khoảng 2.500m² tại một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9 huyện L cho hộ gia đình ông bà. Tuy nhiên ngày 24/4/2023, UBND huyện L có Công văn số 1243/UBND từ chối việc đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà.

Ngày 02/6/2023, ông bà đã có đơn khiếu nại yêu cầu UBND huyện L hủy Công văn số 1243/UBND ngày 24/4/2023 và yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9 huyện L cho hộ gia đình ông bà theo đúng diện tích đo đạc thực tế.

Sau đó, Chủ tịch UBND huyện L đã ban hành Quyết định số 984/QĐ-UB ngày 15/8/2023 quyết định không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông bà về việc yêu cầu UBND huyện L hủy Công văn số 1243/UBND ngày 24/4/2023 và từ chối cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông bà đối với toàn bộ diện tích khoảng 2.500m² tại một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9 huyện L. Việc Chủ tịch UBND huyện L không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông bà là không đúng, bởi vì:

Tại huyện đảo L trước ngày giải phóng (chế độ cũ) chưa kê khai cấp trích lục hoặc Chứng thư Kiến Điền cho ông bà, cha mẹ bà là những người tự khai hoang vỡ hóa đất trồng trọt, sản xuất mưu sinh. Việc sử dụng đất thông thường là chuyển giao từ đời này sang cho đời khác (cha mẹ, ông bà giao lại cho con, cháu). Vì vậy, những người có liên quan hoặc sản xuất liền kề với nhau mới biết rõ. Thực tế việc sử dụng đất ở mỗi vùng miền và tại các thời kỳ xã hội có khác nhau. Từ năm 1977 bà sử dụng đất sản xuất tại núi H có nhiều người biết, cụ thể là: Ông Đặng N1 sản xuất trồng trọt bên cạnh đất của bà biết rõ ông bà là người sử dụng đất. Ông Đặng S là Trưởng ban tuần tra tại xã A biết rõ việc ông bà sử dụng đất. Việc ông bà sử dụng đất tại đây có những người cùng sản xuất biết, trong đó có ông Võ Văn B và những người khác làm chứng xác nhận. Như vậy, theo quy định của pháp luật, trường hợp của ông bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND huyện L hết lần này đến lần khác cố tình không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích khoảng 2.500m² tại một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9 huyện L cho gia đình ông bà là không đúng với quy định của pháp luật, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

Do đó, bà Nguyễn Thị D, ông Đặng Văn A đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy Công văn số 1243/UBND ngày 24/4/2023 của UBND huyện L về việc trả lời đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn A và bà Nguyễn Thị D.

- Hủy Quyết định số 984/QĐ-UB ngày 15/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D.

- Buộc UBND huyện L thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn A và bà Nguyễn Thị D tại một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9, huyện L theo đúng quy định của pháp luật.

*** Tại Văn bản số 235/UBND ngày 17/01/2024, người bị kiện UBND, Chủ tịch UBND huyện L trình bày:**

Việc người khởi kiện (bà Nguyễn Thị D và ông Đặng Văn A) yêu cầu hủy Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị D; Công văn số 1243/UBND ngày 24/4/2023 về việc trả lời đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn A và bà Nguyễn Thị D; buộc UBND huyện L thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn A và bà Nguyễn Thị D tại một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9, huyện L đúng theo quy định của pháp luật:

Ngày 14/6/2023, Ban Tiếp công dân huyện L nhận được đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị D, địa chỉ thôn T, huyện L đề ngày 02/6/2023 gửi Chủ tịch UBND huyện L về việc khiếu nại Công văn số 1243/UBND ngày 24/4/2023 về việc trả lời đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn A và bà Nguyễn Thị D; ngày 17/7/2023 Thanh tra huyện làm việc với người khiếu nại là bà Nguyễn Thị D xác nhận lại nội dung khiếu nại là hành vi hành chính UBND huyện L từ chối không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn A và bà Nguyễn Thị D tại thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9 huyện L.

Qua xem xét nội dung đơn của công dân và biên bản làm việc ngày 17/7/2023 với bà Nguyễn Thị D; căn cứ Điều 9, Điều 11 và Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011, ngày 27/6/2023, Chủ tịch UBND huyện ban hành Thông báo số 146/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị D khiếu nại hành vi hành chính UBND huyện L từ chối không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn A và bà Nguyễn Thị D tại thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9 huyện L. Đồng thời ban hành Quyết định số 706/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại; ngày 28/6/2023, Thanh tra huyện thành lập Tổ xác minh nội dung khiếu nại tại Quyết định số 05/QĐ-TTH.

Từ ngày 28/6/2023 đến ngày 31/7/2023, Thanh tra huyện L đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại của bà Nguyễn Thị D. Ngày 15/8/2023, Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị D, địa chỉ: thôn Đ, huyện S (lần đầu) là đúng quy định của pháp luật.

Việc UBND huyện L từ chối cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn A và bà Nguyễn Thị D đối với toàn bộ diện tích khoảng 2.500m²

thuộc một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9 **huyện L** lập năm 2010 là đúng quy định của pháp luật; **UBND huyện L** ban hành Công văn số 1243/UBND ngày 24/4/2023 về việc trả lời đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Đặng Văn A** và bà **Nguyễn Thị D** là đúng quy định. Việc buộc **UBND huyện L** thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Đặng Văn A** và bà **Nguyễn Thị D** tại một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9, **huyện L** là không có cơ sở.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét xử bác đơn khởi kiện của bà **Nguyễn Thị D** và ông **Đặng Văn A** về việc yêu cầu hủy Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của Chủ tịch **UBND huyện L** về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà **Nguyễn Thị D**; Công văn số 1243/UBND ngày 24/4/2023 về việc trả lời đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Đặng Văn A** và bà **Nguyễn Thị D**; buộc **UBND huyện L** thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Đặng Văn A** và **Nguyễn Thị D** tại một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9, **huyện L** đúng theo quy định của pháp luật.

*** Tại các Bản trình bày ngày 02/4/2024, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng A2, ông Phù Văn H2, ông Nguyễn Hùng H, bà Võ Thị H1 trình bày:** Các ông, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị D**, ông **Đặng Văn A**.

*** Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:**

Yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị D**, ông **Đặng Văn A** đã được người bị kiện thể hiện rõ trong Công văn số 1243/UBND ngày 24/4/2023 của **UBND huyện L** và Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của Chủ tịch **UBND huyện L**. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà **Nguyễn Thị D**, ông **Đặng Văn A**; giữ nguyên Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của Chủ tịch **UBND huyện L** về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà **Nguyễn Thị D**; Công văn số 1243/UBND ngày 24/4/2023 của **UBND huyện L** về việc trả lời đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Đặng Văn A** và bà **Nguyễn Thị D**.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2024/HC-ST ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; khoản 9 Điều 3, Điều 22, Điều 100, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 1243/UBND ngày 24/4/2023 của **UBND huyện L** về việc trả lời đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **Đặng Văn A** và bà **Nguyễn Thị D**.

- Hủy Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L về việc giải quyết khiếu nại của bà **Nguyễn Thị D**.

- Buộc **UBND huyện L** thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Đặng Văn A** và bà **Nguyễn Thị D** tại một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9, **huyện L** theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc, quy định về thi hành án và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/6/2024, người khởi kiện ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D** kháng cáo với nội dung đề nghị huỷ án sơ thẩm để giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D** là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D** đúng thủ tục và trong thời hạn nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt. Thấy đây là phiên tòa lần thứ 02, việc vắng mặt của những đương sự nêu trên không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án vì các đương sự đều đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Xét nội dung kháng cáo

[2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Ngày 13/3/2023, ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D** có đơn đề nghị gửi **UBND huyện L, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L** yêu cầu **UBND huyện L** đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.500m² tại thửa đất 710, tờ bản đồ số 9, **huyện L** cho ông, bà. Ngày 24/4/2023, **UBND huyện L** ban hành Công văn số 1243/UBND về việc trả lời đơn của ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D**, có nội dung: ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D** không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9, **huyện L** (bút lục A, 124).

Ngày 02/6/2023, bà **Nguyễn Thị D**, ông **Đặng Văn A** có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch **UBND huyện L** về việc khiếu nại Công văn số 1243/UBND ngày 24/4/2023 của **UBND huyện L**.

Ngày 27/6/2023, Chủ tịch **UBND huyện L** ban hành Thông báo số 146/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại lần đầu. Sau khi xác minh nội dung khiếu nại và tổ chức đối thoại với bà **Nguyễn Thị D**, ông **Đặng Văn A** nhưng kết quả đối thoại không thành; ngày 15/8/2023, Chủ tịch **UBND huyện L** ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của bà **Nguyễn Thị D**, ông **Đặng Văn A** (bút lục 98-101).

Xét thấy, **UBND huyện L** ban hành Công văn số 1243/UBND là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định tại Điều 22 Luật Đất đai năm 2013, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Chủ tịch **UBND huyện L** ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại, Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

[2.2] Về nội dung, căn cứ của các văn bản, quyết định bị khởi kiện:

Bà **Nguyễn Thị D** và ông **Đặng Văn A** khởi kiện yêu cầu **UBND huyện L** thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà đối với diện tích đất khoảng 2.500m² tại một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9, **huyện L, tỉnh Quảng Ngãi**.

[2.1.1] Theo hồ sơ địa chính thửa đất và các tài liệu, chứng cứ có liên quan, thể hiện: Nguyên diện tích 2.500m² thuộc thửa đất 710, tờ bản đồ số 9, **huyện L**, theo Sổ mục kê đất do xã An Vĩnh lập ngày 18/3/2003 thuộc một phần thửa đất số 755, diện tích 79.000m², do ông **Nguyễn Văn T3** (Đ5), ông **Nguyễn T4** (Đ5) và ông **Nguyễn N3** (Đ9) kê khai đứng tên chủ sử dụng (bút lục 93).

Theo Bản đồ đo vẽ năm 2010 (được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 24/4/2011): Thửa đất 755, tờ bản đồ số 02, **xã L** được chỉnh lý thành thửa số 710, thuộc tờ bản đồ số 9, **xã A** (nay là tờ bản đồ số 9 **huyện L**), có diện tích 30.303m² (bút lục 92).

Theo Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của UBND huyện L được UBND tỉnh Q phê duyệt tại Quyết định số 192/QĐ-UBND ngày 10/6/2014 và quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của UBND huyện L được UBND tỉnh Q phê duyệt tại Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 10/9/2021, thửa đất số 710, tờ bản đồ số 09, huyện L thuộc một phần quy hoạch đất Đồi núi chưa sử dụng (NCS) và một phần quy hoạch đất Rừng phòng hộ (RPH) (bút lục 91).

Như vậy, đối chiếu với hồ sơ địa chính qua các thời kỳ và được bà D thừa nhận tại phiên tòa; diện tích 2.500m² đất vợ chồng bà Nguyễn Thị D đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc một phần diện tích thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9 huyện L, có diện tích 30.303m², loại đất đồi núi chưa sử dụng (NCS) và một phần quy hoạch đất Rừng phòng hộ (RPH).

[2.2.2] Theo kết quả xác minh đối với một số người đang sử dụng phần diện tích đất thuộc thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9, huyện L thể hiện:

Tại Biên bản xác minh ngày 19/7/2023, bà Trần Thị T5 trình bày: “Không rõ thửa đất này của ai”; ông Nguyễn T6 (là cha đẻ ông Nguyễn Hùng H, anh ruột bà Nguyễn Thị D) trình bày: “thửa đất này trước đây bà Dương Thị A3 canh tác sau đó bỏ hoang không làm, khoảng thời gian bắt đầu từ năm 2006 đến năm 2009 (không nhớ rõ năm) tôi có khai hoang thửa đất này (không có đơn xin khai hoang), bồi đắp khoảng 7 thửa diện tích khoảng 800m² để trồng hành tỏi; năm 2007 tôi chuyển cho con trai Nguyễn Hùng H tiếp tục canh tác hành tỏi cho đến nay. Trong quá trình sử dụng tôi và con tôi không có đơn đề nghị Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Nguồn gốc các thửa đất này trước kia của gia đình tôi, đến năm 1979 đưa vào hợp tác xã quản lý”; ông Phù Văn H2, cá nhân đang sử dụng các thửa đất bà Nguyễn Thị D đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho biết: “Hiện nay tôi có làm 5 thửa (theo bậc thang) tổng diện tích khoảng 500m², bắt đầu khai hoang từ năm 2006 đến năm 2009 trồng hành hành tỏi cho đến nay (tôi có làm đơn xin khai hoang nhưng xã A từ chối), năm 2013, Ban Chỉ huy quân sự huyện có làm việc trồng cây xanh phủ trồng đồi núi, tôi có nói khi nào nhà nước lấy đất tôi sẽ giao lại cho Nhà nước. Trong quá trình sử dụng tôi không có đơn đề nghị Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Tại Biên bản xác minh ngày 20/7/2023, ông Phan Hùng V - Trưởng thôn T, cho biết: “Tôi biết các thửa đất thuộc thửa đất gộp số 710, tờ bản đồ số 9 huyện L là đất thuộc nhà nước quản lý; hiện nay có một số hộ dân tự khai hoang để trồng hoa màu”; ông Võ Văn B trình bày: “Trước kia tôi làm cạnh các thửa đất này nên tôi biết: Trước năm 1975, các thửa đất này là đất của cha, mẹ bà Nguyễn Thị D sử dụng đến năm 1985 diện tích đất này chia đất màu cho những người dân thuộc đội 17 sản xuất, sau này có một số người dân thuộc đội 17 bỏ hoang không làm nữa, sau đó bà Nguyễn Thị D canh tác. Đến năm 1993, tôi không làm cạnh các thửa đất này nữa, tôi biết khoảng 2 năm sau bà Nguyễn Thị D cũng không còn làm tại các thửa đất này nữa; tôi biết các thửa đất thuộc thửa đất gộp số 710, tờ bản đồ số 9 huyện L là đất thuộc nhà nước quản lý”.

Tại Biên bản xác minh ngày 21/7/2023, ông Đặng Quang N4 trình bày:

“Đất này từ lâu của cha bà Nguyễn Thị D, đến năm 1979 diện tích đất này đã đưa vào Hợp tác xã nông nghiệp để chia đất màu cho đội viên đội 17 để sản xuất, nhưng có một số người không làm nên bà Nguyễn Thị D vào sản xuất (lúc đó bà Nguyễn Thị D không phải là đội viên đội 17 mà là đội viên đội 12), sau đó một thời gian bà Nguyễn Thị D đi làm ăn xa nên không làm nữa. Trước đây tôi là Phó Chủ nhiệm Hợp tác xã N6 (từ năm 1979 - 1981) nên tôi biết rõ điều này, đất này là đất nhà nước quản lý”.

[2.2.3] Tại biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 24/7/2023 của Tổ xác minh Thanh tra huyện L, thể hiện trên phần diện tích thuộc thửa đất 710, tờ bản đồ số 9, huyện L có diện tích 139,9m² thuộc thửa đất số 819, tờ bản đồ số 9, huyện L đã được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn A và bà Nguyễn Thị D, phần diện tích đất này hiện ông Nguyễn Hùng H đang sử dụng. Diện tích 172,5m² thuộc thửa đất 831, tờ bản đồ số 9, hiện ông Đặng A2 đang sử dụng. Phía Tây thửa đất 819, gồm có 6 thửa đất, tổng diện tích đo đạc được 745,8m², hiện ông Nguyễn Hùng H đang sử dụng. Phía Bắc thửa đất 819, gồm có 5 triền đất, trong đó 3 triền đất có 8 thửa tổng diện tích đo đạc được 532,7m², 2 triền đất phía trên cây bụi um tùm, không có ranh giới thửa đất, không thể đo đạc được, 5 triền đất này hiện ông Phù Văn H2 đang sử dụng. Qua kết quả kiểm tra hiện trường thể hiện bà Nguyễn Thị D và ông Đặng Văn A không trực tiếp sản xuất trên các thửa đất này. Theo trình bày của bà Nguyễn Thị D một phần diện tích đất này hiện nay ông Đặng A2, ông Phù Văn H2 đang sử dụng.

Như vậy, nội dung trình bày của các ông Nguyễn T6, Phù Văn H2, Phan Hùng V, Võ Văn B, Đặng Quang N4 phù hợp với quá trình sử dụng đối với một phần diện tích đất thuộc thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9, huyện L; biên bản kiểm tra hiện trạng lập ngày 24/7/2023 của Tổ xác minh. Đồng thời, đối chiếu với hồ sơ địa chính, quá trình quản lý sử dụng đất qua các thời kỳ thì ông Đặng Văn A và bà Nguyễn Thị D từ năm 1979 đến nay không sử dụng phần diện tích thuộc thửa đất 710, tờ bản đồ số 9 huyện L và không đăng ký kê khai đối với phần diện tích này, ông bà cũng không có tài liệu chứng minh diện tích đất này do cha mẹ bà D để lại.

[2.2.4] Từ những cơ sở nêu trên, xét thấy: Diện tích đất thuộc thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9, huyện L mà bà Nguyễn Thị D, ông Đặng Văn A đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông bà không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất; quá trình thực hiện Nghị định 64/CP, hộ gia đình bà D, ông A cũng không được cân đối giao cho phần diện tích đất này; các thửa đất này hiện nay do người khác sử dụng mà không phải do bà D, ông A sử dụng; ông Đặng Văn A, bà Nguyễn Thị D cung cấp các tài liệu là ông Nguyễn Hùng H thuê đất, lời trình bày của ông Võ Văn B, bà Trần Thị N5, bà Dương Thị A3, ông Bùi Thanh H3 về việc sử dụng phần diện tích đất trên; tuy nhiên, các tài liệu này không đủ căn cứ thể hiện phần diện tích đất này là của cha mẹ bà D để lại cho bà D, các tài liệu này cũng không phải là một trong các loại giấy tờ theo Điều 100 của Luật Đất đai; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Do đó, UBND huyện L ban hành Công văn số 1243/UBND về việc trả lời đơn của ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D**, có nội dung: ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D** không đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9, huyện L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Chủ tịch UBND huyện L ban hành Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 không công nhận nội dung khiếu nại của bà **Nguyễn Thị D** về việc yêu cầu UBND huyện L huỷ Công văn số 1243/UBND ngày 24/4/2023 là có căn cứ, đúng quy định.

[2.2.5] Do Công văn số 1243/UBND ngày 24/4/2023 của UBND huyện L; Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của Chủ tịch UBND huyện L là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên việc ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D** yêu cầu buộc UBND huyện L thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Đặng Văn A** và bà **Nguyễn Thị D** tại một phần thửa đất số 710, tờ bản đồ số 9, huyện L là không có căn cứ để chấp nhận.

Từ nhận định trên, Toà án cấp sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D** là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D** là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D**, giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 18/2024/HC-ST ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: ông **Đặng Văn A**, bà **Nguyễn Thị D** được miễn án phí.

3. Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Phạm Văn Hợp